

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG BẠC ĐÀ QUY PHÙ NHUẬN



ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG	3
ĐIỀU 1:	CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG.....	3
ĐIỀU 2:	ĐỊNH NGHĨA	3
ĐIỀU 3:	TÊN VÀ LOGO CÔNG TY.....	4
ĐIỀU 4:	TRỤ SỞ CÔNG TY	4
ĐIỀU 5:	HÌNH THỨC VÀ TƯ CÁCH HOẠT ĐỘNG.....	5
ĐIỀU 6:	MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	5
ĐIỀU 7:	THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG	8
ĐIỀU 8:	QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY.....	8
ĐIỀU 9:	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	9
ĐIỀU 10:	TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	10
ĐIỀU 11:	CON DẤU.....	10
ĐIỀU 12:	NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY.....	11
ĐIỀU 13:	TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC KHÁC.....	11
CHƯƠNG II	VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG	11
ĐIỀU 14:	VỐN ĐIỀU LỆ.....	11
ĐIỀU 15:	TĂNG GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ.....	12
ĐIỀU 16:	CÁC VỐN HUY ĐỘNG KHÁC.....	12
ĐIỀU 17:	CỔ PHẦN	12
ĐIỀU 18:	CỔ PHIẾU VÀ CÁC CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC	13
ĐIỀU 19:	CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN.....	14
ĐIỀU 20:	THU HỒI CỔ PHẦN	14
ĐIỀU 21:	THỪA KẾ CỔ PHẦN.....	15
ĐIỀU 22:	SỐ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG.....	15
ĐIỀU 23:	QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CỔ ĐÔNG.....	16
ĐIỀU 24:	QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG.....	17
ĐIỀU 25:	TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỔ ĐÔNG.....	18
ĐIỀU 26:	THANH ĐÒI CÁC QUYỀN	18
ĐIỀU 27:	TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG LÀ TỔ CHỨC.....	19
ĐIỀU 28:	CÁC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN DỰ HỌP	19
CHƯƠNG III	TỔ CHỨC QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY	20
ĐIỀU 29:	CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY	20
ĐIỀU 30:	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	20
ĐIỀU 31:	QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	22
ĐIỀU 32:	TỔ CHỨC CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	23
ĐIỀU 33:	THẺ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	25
ĐIỀU 34:	THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẠI CUỘC HỌP.....	26
ĐIỀU 35:	BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	27
ĐIỀU 36:	THẺ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN.....	28
ĐIỀU 37:	YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	30
ĐIỀU 38:	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	30

ĐIỀU 39:	QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	31
ĐIỀU 40:	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	33
ĐIỀU 41:	CHỦ TỊCH VÀ PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	35
ĐIỀU 42:	PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	36
ĐIỀU 43:	CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	36
ĐIỀU 44:	CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	36
ĐIỀU 45:	BỔ SUNG, THAY THẾ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	39
ĐIỀU 46:	QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	39
ĐIỀU 47:	KIỂM SOÁT VIÊN	39
ĐIỀU 48:	QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT	39
ĐIỀU 49:	KIỂM SOÁT VIÊN	41
ĐIỀU 50:	BỔ SUNG, THAY THẾ KIỂM SOÁT VIÊN	43
ĐIỀU 51:	TỔNG GIÁM ĐỐC	43
ĐIỀU 52:	QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	44
ĐIỀU 53:	MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC	45
ĐIỀU 54:	ỦY QUYỀN, ỦY NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	45
ĐIỀU 55:	CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	46
ĐIỀU 56:	NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	46
ĐIỀU 57:	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CÔNG TY TẠI TỔ CHỨC KHÁC	47
ĐIỀU 58:	TRÁCH NHIỆM CÁN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	47
ĐIỀU 59:	TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI	47
ĐIỀU 60:	TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG	49
ĐIỀU 61:	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ	50
ĐIỀU 62:	NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN	50
CHƯƠNG IV	HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	50
ĐIỀU 63:	NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	50
ĐIỀU 64:	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG	51
ĐIỀU 65:	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	51
ĐIỀU 66:	KIỂM TOÁN	52
ĐIỀU 67:	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ	52
ĐIỀU 68:	CỐ TỨC	52
CHƯƠNG V	CÔNG BỐ THÔNG TIN RA CÔNG CHÚNG	54
ĐIỀU 69:	CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ CÁC BÁO CÁO RA CÔNG CHÚNG	54
CHƯƠNG VI	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ TỐ TỤNG	54
ĐIỀU 70:	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ CÔNG TY	54
ĐIỀU 71:	TRANH CHẤP GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC TỔ CHỨC HOẶC CÁ NHÂN NGOÀI CÔNG TY	55
CHƯƠNG VII	GIA HẠN, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	55
ĐIỀU 72:	GIA HẠN VÀ CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG	55
ĐIỀU 73:	THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN	55
CHƯƠNG VIII	HIỆU LỰC THI HÀNH	56
ĐIỀU 74:	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	56

CHƯƠNG I CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1: CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Điều lệ này không nhắc lại các quy định của pháp luật Việt Nam áp dụng đối với công ty cổ phần, các cổ đông của Công ty, Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp, người lao động và Công đoàn, trừ những trường hợp ngoại lệ nêu trong Điều lệ này, bởi vì những quy định này sẽ luôn được áp dụng cho dù có nêu trong Điều lệ này hay không.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty. Việc sửa đổi những điều khoản tương ứng của Điều lệ này sẽ được Đại hội đồng cổ đông thực hiện khi thuận tiện.
3. Điều lệ này không nhắc lại một cụm từ được sử dụng trong các văn bản Việt Nam là “theo quy định của pháp luật Việt Nam” vì mọi người đều phải luôn tuân thủ, chịu sự ràng buộc và thực hiện pháp luật Việt Nam trong mọi hoạt động.

ĐIỀU 2: ĐỊNH NGHĨA

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - "Công ty" có nghĩa là Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận;
 - "Ngày thành lập" là ngày 02/01/2004;
 - "Điều lệ này" hay "Điều lệ Công ty" có nghĩa là Điều lệ của Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận;
 - "Quy chế quản trị công ty" có nghĩa là Quy chế quản trị công ty của Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận;
 - "Góp vốn" là việc đưa tài sản vào Công ty để trở thành chủ sở hữu chung của Công ty. Tài sản góp vốn có thể là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi do cổ đông góp để tạo thành vốn của Công ty;
 - "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 14 của Điều lệ này;
 - "Cổ đông" là tổ chức, cá nhân có tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phần;
 - "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9, Điều 6, Luật Chứng khoán.

- “Cổ phần” là vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, có mệnh giá là 10.000 đồng;
 - “Người quản lý doanh nghiệp” là thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành doanh nghiệp;
 - “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Giám đốc Vận hành, Giám đốc Khối, Kế toán trưởng và các chức danh tương đương do Hội đồng quản trị quyết định;
 - “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17, Điều 4, Luật Doanh nghiệp và Khoản 34, Điều 6, Luật Chứng khoán.
 - “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là người điều hành doanh nghiệp;
 - “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập” là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 2, Điều 151, Luật Doanh nghiệp.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề chương, điều của Điều lệ này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

ĐIỀU 3: TÊN VÀ LOGO CÔNG TY

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận
2. Tên giao dịch đối ngoại: Phu Nhuan Jewelry Joint Stock Company
3. Viết tắt: Công ty PNJ
4. Biểu tượng (logo):



ĐIỀU 4: TRỤ SỞ CÔNG TY

1. Trụ sở chính:
 - Địa chỉ: 170E Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
 - Điện thoại: (84-28) 399 51703 – (84-28) 3995 1706
 - Fax: (84-28) 3995 1702
 - Email: pnj@pnj.com.vn
 - Website: www.pnj.com.vn

2. Công ty có các khối, phòng, ban, cửa hàng, chi nhánh, địa điểm kinh doanh, xí nghiệp, văn phòng đại diện trong và ngoài nước trực thuộc được thành lập theo Quyết định của Hội đồng quản trị và các quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh.

ĐIỀU 5: HÌNH THỨC VÀ TƯ CÁCH HOẠT ĐỘNG

1. Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp kinh tế Đảng, Công ty Vàng bạc đá quý Phú Nhuận trực thuộc Ban Tài Chính Quản Trị Thành ủy TP.HCM, trên cơ sở tự nguyện cùng góp vốn của các cổ đông, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

2. Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận:

- Thuộc sở hữu của các cổ đông.
- Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Có con dấu riêng, được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước, các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ.
- Tự chịu kết quả về mọi hoạt động kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính.
- Có bảng cân đối về kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 6: MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Mục tiêu của Công ty là:

- Xây dựng và giữ vững thương hiệu PNJ là một trong những thương hiệu hàng đầu của ngành kim hoàn Việt Nam, tham gia thị trường thế giới.
- Mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế nhằm tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc.
- Tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp người lao động, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh:

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện
2420	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý Chi tiết: Sản xuất kim loại màu và kim loại quý, vàng miếng.
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: gia công vàng, bạc, đá quý, đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi

	tiết liên quan.
1322	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng)
1323	Sản xuất thảm, chăn đệm (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng)
1410	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng)
1512	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng)
1520	Sản xuất giày dép (Trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng)
1709	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (trừ tái chế phế thải tại trụ sở)
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn vàng, bạc, kim loại quý, đá quý, đá bán quý. Mua bán vàng miếng
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: + Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ. + Xuất khẩu, nhập khẩu vàng trang sức, hàng mỹ nghệ bằng vàng, bạc, các kim loại quý khác, kim cương, đá quý, đá bán quý, vàng miếng, vàng nguyên liệu dưới dạng lá, dây bột, khối, thỏi, hạt, miếng. Xuất khẩu, nhập khẩu đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan.
4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UB và Quyết định 79/2009/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố về quy hoạch nông sản thực phẩm tại TPHCM)
4761	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ va li, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác. Bán lẻ sản phẩm lót ly tách, khăn, bao hộp đựng giấy, bao vải, bao gối, khăn, giày, dép. Bán lẻ chăn, màn, đệm, rèm, ga trải giường, gối và bộ đồ giường khác, hàng may mặc, quần áo. Bán lẻ giày dép. Bán lẻ đồ da và giả da. Bán lẻ hàng du lịch đồ da và giả da. Bán lẻ trang phục khác như găng tay, khăn, bít tất, cà vạt, dây đeo quần
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

	Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng, rượu bia, nước giải khát và các dịch vụ ăn uống.
3211	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan - Chi tiết: Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ. Gia công vàng trang sức, mỹ nghệ. Sản xuất đồ trang sức bằng kim loại quý hoặc kim loại cơ bản mạ kim loại quý hoặc đá quý hoặc đá nửa quý, hoặc kim loại quý tổng hợp và đá quý hoặc đá nửa quý hoặc các kim loại khác; Sản xuất các chi tiết bằng vàng bạc bằng kim loại quý hoặc kim loại cơ bản mạ kim loại quý như : đồ ăn, đồ dẹt, bát đĩa, ấm chén, các chi tiết vệ sinh, các chi tiết trong văn phòng, các chi tiết sử dụng trong tôn giáo. Sản xuất các chi tiết kỹ thuật hoặc thí nghiệm bằng kim loại quý (trừ dụng cụ hoặc các phần tương tự): nồi nấu kim loại, bàn xẻng, thử cực dương của kim loại; Đồng hồ bằng kim loại quý; cổ tay áo, dây đồng hồ, hộp thuốc lá
3212	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan
4632	Bán buôn thực phẩm (Không hoạt động tại trụ sở)
4641	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: bán buôn đồ trang sức bằng vàng, bạc, và kim loại quý. Bán buôn va li, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác. Bán buôn đồng hồ, kính mắt. Bán buôn đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan. Bán buôn hàng du lịch bằng da, giả da và bằng các chất liệu khác. Bán buôn phụ kiện thời trang. Bán buôn bưu thiếp và các ấn phẩm khác. Bán buôn xà bông, nến, tinh dầu, sản phẩm từ quế, sản phẩm từ sừng (trừ sản phẩm từ động vật quý, hiếm), sản phẩm điều khác
4773 (Chính)	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, kim loại quý, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức. Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ. Bán lẻ đồng hồ, kính mắt. Bán lẻ vàng, bạc kim loại quý nguyên liệu. Mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ. Xuất khẩu, nhập khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ. Mua bán vàng miếng
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: dịch vụ thương mại điện tử.
8532	Giáo dục nghề nghiệp Dạy nghề.
9000	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật tại trụ sở)
9631	Cắt tóc, làm dầu, gội đầu Chi tiết: Cắt tóc, làm dầu, gội đầu, chăm sóc da mặt (trừ dịch vụ gây chảy máu)
6492	Hoạt động cấp tín dụng khác

	Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ.
6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Đại lý đổi ngoại tệ, dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ.
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.
7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Dịch vụ kiểm định kim cương và đá quý. Dịch vụ kiểm định vàng, bạc, kim loại quý khác, đá bán quý. Và các ngành, nghề khác mà pháp luật không cấm.

ĐIỀU 7: THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

1. Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày ghi trong quyết định chuyển từ doanh nghiệp kinh tế Đảng thành công ty cổ phần của cấp có thẩm quyền. Việc chấm dứt trước thời hạn hoặc gia hạn thời gian hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở quy định tại Luật Doanh nghiệp và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

ĐIỀU 8: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

1. Quyền:

- 1.1. Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- 1.2. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh;
- 1.3. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn;
- 1.4. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;
- 1.5. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu;
- 1.6. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;
- 1.7. Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh;
- 1.8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp;
- 1.9. Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật;
- 1.10. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;
- 1.11. Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật;
- 1.12. Quyền khác theo quy định của luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ:

- 2.1. Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh;

- 2.2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê;
- 2.3. kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- 2.4. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không được phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không được sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật;
- 2.5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do pháp luật quy định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố;
- 2.6. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- 2.7. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó;
- 2.8. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử- văn hóa và danh lam thắng cảnh;
- 2.9. Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng.

ĐIỀU 9: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty có hai (2) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc với các thông tin cá nhân như sau.

Họ tên:	Cao Thị Ngọc Dung
Giới tính:	Nữ
Sinh ngày:	
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	
CMND số:	
Địa chỉ thường trú:	
Chỗ ở hiện tại:	
Chức danh:	Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ tên: Lê Trí Thông
Giới tính: Nam
Sinh ngày:
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc:
CMND số:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Chức danh: Tổng Giám đốc

3. Trách nhiệm của mỗi người đại diện theo pháp luật được xác định theo các quy định tại Điều lệ này, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty và các nghị quyết, văn bản do Hội đồng quản trị ban hành.

4. Công ty bảo đảm những người đại diện theo pháp luật của Công ty thường trú tại Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thực hiện việc ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trước khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật của Công ty vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

5. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 4 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Hội đồng quản trị có quyết định khác.

ĐIỀU 10: TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

1.1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

1.2. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

1.3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại gây ra cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

ĐIỀU 11: CON DẤU

1. Công ty có một con dấu. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức và nội dung con dấu của Công ty. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:

a. Tên doanh nghiệp;

- b. Mã số doanh nghiệp.
2. Trước khi sử dụng, Công ty thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu theo các quy định của Điều lệ Công ty và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy-định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.

ĐIỀU 12: NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, tôn trọng pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Các cổ đông Công ty cổ phần cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ của Công ty trong phạm vi phần vốn góp vào Công ty.
3. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
4. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản lý Công ty, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý, và hoạt động điều hành của Công ty.
5. Điều hành hoạt động của Công ty là Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

ĐIỀU 13: TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC KHÁC

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, phù hợp Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của tổ chức đó.
2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của tổ chức mình và phù hợp với tình hình sản xuất, kinh doanh thực tế của Công ty.

CHƯƠNG II

VỐN – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 14: VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là tiền đồng Việt Nam (VNĐ).
2. Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 1.670.029.820.000 đồng (Một ngàn sáu trăm bảy mươi tỷ không trăm hai mươi chín triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).
3. Công ty không được sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức hoặc chia tài sản của Công ty cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp giảm vốn điều lệ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 15: TĂNG GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ

1. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, bằng các phương thức:
 - 1.1. Phát hành thêm cổ phần hoặc mua lại cổ phần đã phát hành theo quy định tại Điều lệ này và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;
 - 1.2. Tái đầu tư một phần hoặc toàn bộ lợi nhuận chưa phân phối;
 - 1.3. Chuyển các quỹ dự trữ, tích lũy thành vốn điều lệ.
2. Công ty thay đổi vốn điều lệ trong trường hợp Công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4, Điều 111 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Cổ phần phát hành thêm phải được cập nhật đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông và Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.

ĐIỀU 16: VỐN HUY ĐỘNG KHÁC

1. Công ty được quyền huy động vốn khác ngoài vốn điều lệ phục vụ sản xuất kinh doanh theo các phương thức dưới đây:
 - 1.1. Vay vốn từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước;
 - 1.2. Phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - 1.3. Vay cá nhân trong và ngoài Công ty;
 - 1.4. Vay các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật.
2. Công ty phải đảm bảo và hoàn trả đủ, đúng thời hạn cả gốc lẫn lãi và các nghĩa vụ tài chính khác.

ĐIỀU 17: CỔ PHẦN

1. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau, gọi là cổ phần. Mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VNĐ (Mười ngàn đồng chẵn).
2. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào thời điểm thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
3. Cổ phần phổ thông mới chào bán phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

4. Công ty có thể phát hành cổ phần phổ thông với giá ưu đãi cho người lao động của Công ty. Công đoàn của Công ty có thể sử dụng nguồn quỹ Công đoàn để mua lại cổ phần này khi người lao động của Công ty vi phạm các điều kiện do Công ty quy định khi phát hành cổ phần này.
5. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - 5.1. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;
 - 5.2. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp và 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản;
 - 5.3. Các trường hợp khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại được coi là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật về chứng khoán.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.
8. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
9. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh và hạn chế điều kiện chuyển nhượng đối với cổ phần của người lao động của Công ty và các cổ đông chiến lược theo đề xuất của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

ĐIỀU 18: CỔ PHIẾU VÀ CÁC CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần trong Công ty.
2. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
3. Chứng nhận cổ phiếu phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các cổ đông sau khi đã nộp tiền mua cổ phần của Công ty, được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông, được nhận một hoặc một số cổ phiếu cho tất cả cổ phần của mình.
5. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng, hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định, kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

6. Nếu cổ phiếu bị mờ, rách, hư hỏng, tẩy xóa hay bị mất có thể đề nghị đổi cổ phiếu mới nếu trình đủ chứng cứ cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
7. Công ty phát hành cổ phiếu dưới dạng Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.
8. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty, trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

ĐIỀU 19: CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Cổ phần đã được chuyển nhượng sau khi ghi đúng và đủ những thông tin quy định vào Sổ đăng ký cổ đông, người nhận chuyển nhượng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty kể từ thời điểm đó.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

ĐIỀU 20: THU HỒI CỔ PHẦN

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới, tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

ĐIỀU 21: THỪA KẾ CỔ PHẦN

1. Cổ phần của Công ty được thừa kế theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:
 - Người thừa kế duy nhất theo luật định.
 - Nhiều người thừa kế theo luật định. Trong trường hợp này họ phải cử đại diện duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
3. Trong trường hợp một cổ đông đã chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người, hoặc những người, duy nhất kế thừa quyền hưởng lợi số cổ phần này. Quy định này không có nghĩa là cổ phần thuộc sở hữu của cổ đông đã chết không còn liên quan về nghĩa vụ tài sản mà cổ đông đó đã thực hiện.
4. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế hợp pháp thì cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, sau khi đăng ký làm sở hữu chủ các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế quyền.

ĐIỀU 22: SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - 2.2. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - 2.3. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - 2.4. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
 - 2.5. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.
4. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.
5. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch chứng khoán hoặc với Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

ĐIỀU 23: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông của Công ty là những tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

3. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại Công ty:

3.1. Trường hợp cổ đông là một tổ chức: là người đại diện được phân công theo quyết định chính thức của cơ quan có thẩm quyền của tổ chức đó.

3.2. Trường hợp cổ đông là cá nhân: chính cổ đông tự mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

3.3. Trường hợp cổ đông là tổ chức được tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản thì tổ chức kế thừa sẽ tiếp nhận quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của cổ đông là tổ chức đó sau khi gửi cho Công ty văn bản đề nghị thay thế người đại diện theo ủy quyền, đồng thời gửi kèm các văn bản pháp lý theo pháp luật quy định về việc sáp nhập, chia, tách, hợp nhất hoặc chuyển đổi hình thức của tổ chức đó.

4. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức được thực hiện theo các quy định sau đây:

4.1. Cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện.

4.2. Trường hợp cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp không xác định số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

4.3. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;
- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và của người đại diện theo ủy quyền.

5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

5.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- 5.2. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
- 5.3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người điều hành doanh nghiệp; trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;

ĐIỀU 24: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

1. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty và pháp luật quy định;
2. Nhận cổ tức tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
3. Tự do chuyển nhượng cổ phần nắm giữ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan;
4. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
7. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác;
8. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều lệ này và Điều 129, Luật Doanh nghiệp;
9. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên, có các quyền sau:
 - 9.1. Đề cử các ứng viên thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty và Luật Doanh nghiệp;
 - 9.2. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 114, Luật Doanh nghiệp;
 - 9.3. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
 - 9.4. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

9.5. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

10. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty và pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 25: TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỔ ĐÔNG

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty và các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty và pháp luật quy định. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm người đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn tiền mua số cổ phần đã cam kết mua;
4. Trong thời hạn hoạt động của Công ty đã ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các cổ đông không được rút vốn cổ phần dưới bất cứ hình thức nào trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần;
5. Cung cấp địa chỉ thư tín, thư điện tử và số điện thoại chính xác khi được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông, khi đăng ký mua cổ phần, và khi có yêu cầu của Công ty;
6. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật nghề nghiệp về các hoạt động của Công ty, tham gia các công việc của Công ty khi được phân công;
7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - 8.1. Vi phạm pháp luật;
 - 8.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - 8.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

ĐIỀU 26: THAY ĐỔI CÁC QUYỀN

1. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông, hoặc đại diện được ủy quyền của họ, và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của loại cổ phần ưu đãi đó đã được phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó, và những người nắm giữ loại cổ phần ưu đãi đó, không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần, có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng cổ đông cần thiết. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ loại cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ loại cổ phần ưu đãi đó, có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện, có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tổ chức và tiến hành các cuộc họp riêng biệt như nêu tại khoản 1 Điều này được thực hiện tương tự như tổ chức và tiến hành các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty.

3. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần phổ thông của tất cả các cổ đông tham dự cuộc họp thông qua, đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi đó tham dự cuộc họp thông qua.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ tài sản hoặc lợi nhuận của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm cổ phần cùng loại.

ĐIỀU 27: TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG LÀ TỔ CHỨC

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty. Mọi hạn chế của cổ đông là tổ chức đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

2. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền.

3. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

ĐIỀU 28: CÁC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN DỰ HỌP

1. Cổ đông, có tên trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện được ủy quyền dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền dự họp thì phải xác định cụ thể số lượng cổ phần được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

2.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

2.2. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người đại diện được ủy quyền dự họp.

2.3. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người đại diện được ủy quyền dự họp.

2.4. Trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người đại diện được ủy quyền dự họp.

3. Người đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó nếu trước đó chưa được đăng ký với Công ty.

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này, phiếu biểu quyết của người đại diện được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

5.1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

5.2. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

5.3. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người đại diện được ủy quyền.

6. Khoản 5 Điều này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

ĐIỀU 29: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

Công ty được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình gồm có:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát; và
4. Tổng Giám đốc.

ĐIỀU 30: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ sau:

- 1.1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- 1.2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- 1.3. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- 1.4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- 1.5. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- 1.6. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- 1.7. Thông qua báo cáo tài chính năm;

- 1.8. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- 1.9. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- 1.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần, do Hội đồng quản trị triệu tập, trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ~
3. Hội đồng quản trị lựa chọn địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - 4.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - 4.2. Báo cáo tài chính quý, nửa năm hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - 4.3. Số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này, hoặc số thành viên Hội đồng quản trị độc lập giảm xuống không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ này.
 - 4.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty liên tục trong 06 tháng có quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.
 - 4.5. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp;
 - 4.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty.
5. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
 - 5.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại khoản 4.3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại khoản 4.4 và khoản 4.5 của Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại khoản 5.1 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
 - 5.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 5.1 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5.2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 4.4 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

5.3. Tất cả chi phí hợp lý và hợp pháp cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

6.1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng cổ đông cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm xác định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập cuộc họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày, kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

6.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không có đủ số lượng cổ đông cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm xác định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày, kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

ĐIỀU 31: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua quyết định các vấn đề sau đây:

- 1.1. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- 1.2. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- 1.3. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- 1.4. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị;
- 1.5. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; và kết quả hoạt động của Ban kiểm soát;
- 1.6. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- 2.1. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- 2.2. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- 2.3. Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- 2.4. Bán cổ phần riêng lẻ cho đối tác chiến lược; bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu hoặc người lao động (ESOP);
- 2.5. Bán trái phiếu có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, đối tác chiến lược;
- 2.6. Thay đổi các điều kiện phát hành cổ phiếu/trái phiếu cho đối tác chiến lược

- 2.7. Giá bán cổ phần thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất;
- 2.8. Số lượng người đại diện pháp luật của Công ty;
- 2.9. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- 2.10. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- 2.11. Ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, bao gồm cả tổng số tiền thù lao và các lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; tiền thưởng của Hội đồng quản trị và những người điều hành doanh nghiệp;
- 2.12. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- 2.13. Quyết định các tỷ lệ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế của Công ty;
- 2.14. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
- 2.15. Quyết định giao dịch đầu tư, bán hoặc mua tài sản Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;
- 2.16. Công ty ký kết hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162, Luật Doanh nghiệp.
- 2.17. Các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính;
- 2.18. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;
- 2.19. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- 2.20. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- 2.21. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty và các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty;

ĐIỀU 32: TỔ CHỨC CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - 2.1. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông tin về việc lập Danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (5) ngày làm việc trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- 2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp và các tài liệu cuộc họp theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty và các quy định quản lý nội bộ của Công ty;
- 2.3. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- 2.4. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;
- 2.5. Gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- 2.6. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến Danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- 2.7. Các công việc khác phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề xuất bằng văn bản chính thức về các vấn đề đưa vào chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (3) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình cuộc họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này trong các trường hợp sau:
 - 5.1. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - 5.2. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
 - 5.3. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;
 - 5.4. Đề xuất không phù hợp với các quy định pháp luật;
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự họp tán thành.
7. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình cuộc họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều này nếu được số cổ

đồng đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự họp tán thành.

ĐIỀU 33: THỂ THỨC TIẾN HÀNH CUỘC HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - 1.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - 1.2. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - 1.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - 1.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
2. Vào ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp và thực hiện cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đã đăng ký hết. Khi tiến hành đăng ký cổ đông dự họp, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người đại diện được ủy quyền dự họp và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó.
3. Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký dự họp ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký dự họp và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
5. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu một số người, theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp, vào ban kiểm phiếu để chịu trách nhiệm kiểm phiếu. Số lượng thành viên của ban kiểm phiếu không ít hơn ba người.
6. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình họp phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng nội dung cuộc họp. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
7. Chủ tọa của cuộc họp hoặc thư ký cuộc họp có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác, với thời gian hoãn tối đa không quá ba (3) ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc, hoặc thay đổi địa điểm họp khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông hoặc trong các trường hợp sau đây:

- 8.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - 8.2. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - 8.3. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8, Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những cổ đông tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
10. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên hoặc cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình bình thường của cuộc họp, Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối việc tham dự cuộc họp hoặc trục xuất cổ đông hoặc người đại diện nói trên.
11. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
- 11.1. Bố trí đủ chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 11.2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - 11.3. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự hoặc tiếp tục tham dự cuộc họp;
 - 11.4. Thay đổi các biện pháp nêu tại khoản này và áp dụng các biện pháp khác nếu thấy cần thiết. Các biện pháp khác có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng hình thức lựa chọn khác.
12. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, thông báo về việc tổ chức cuộc họp không cần nêu chi tiết các biện pháp tổ chức nhưng Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm cuộc họp có thể:
- 12.1. Thông báo rằng cuộc họp sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa cuộc họp sẽ có mặt tại đó, gọi là địa điểm chính của cuộc họp;
 - 12.2. Bố trí, tổ chức để các cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền dự họp không dự họp được theo điều này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của cuộc họp có thể đồng thời tham dự cuộc họp;
13. Trong Điều lệ này, trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác, mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia cuộc họp ở địa điểm chính của cuộc họp.
14. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong chương trình họp. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, phản đối từng vấn đề hoặc không có ý kiến, sẽ được Chủ tọa thông báo công khai ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

ĐIỀU 34: THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TẠI CUỘC HỌP

1. Mỗi cổ đông tham dự cuộc họp khi biểu quyết được tính số cổ phần có quyền biểu quyết bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ sở hữu và/hoặc đại diện cho cổ đông khác.
2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, 4, và 5, Điều này.
3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp liên quan đến các vấn đề sau đây được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - 3.1. Định hướng phát triển của công ty;
 - 3.2. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
 - 3.3. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - 3.4. Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty;
 - 3.5. Việc tăng/giảm vốn điều lệ của Công ty;
 - 3.6. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - 3.7. Mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - 3.8. Bán cổ phần riêng lẻ cho đối tác chiến lược;
 - 3.9. Thay đổi các điều kiện phát hành cổ phiếu, trái phiếu cho đối tác chiến lược;
 - 3.10. Dự án đầu tư hoặc mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;
 - 3.11. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (2) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo quy chế bầu cử.
5. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua quyết định đó không được thực hiện đúng như quy định.

ĐIỀU 35: BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- 1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.3. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - 1.4. Họ, tên chủ tọa và thư ký
 - 1.5. Số cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông; người đại diện được ủy quyền dự họp với số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng;
 - 1.6. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - 1.7. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự họp;
 - 1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết thông qua tương ứng;
 - 1.9. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và các tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 36: THẺ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2, Điều 143, Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 31 Điều lệ;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và 2, Điều 137, Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139, Luật Doanh nghiệp.
4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 4.5. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - 4.6. Mục đích lấy ý kiến;
 - 4.7. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông;
 - 4.8. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - 4.9. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - 4.10. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - 4.11. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.
6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức danh quản lý của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 6.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - 6.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - 6.3. Số cổ đông với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ và số cổ phần có quyền biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - 6.4. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - 6.5. Các quyết định đã được thông qua;
 - 6.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.
7. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các

thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

8. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu cho các cổ đông có thể thay thế bằng việc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.

9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

10. Trường hợp thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận.

11. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 37: YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 9, Điều 23, Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty;

1.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 của Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty.

ĐIỀU 38: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có chín (9) thành viên; trong đó phải có ít nhất sáu (6) thành viên thường trú ở Việt Nam và tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị, việc đề cử và ứng cử, việc bổ nhiệm, bãi nhiệm và miễn nhiệm, việc bổ sung và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, được thực hiện theo các quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty.

ĐIỀU 39: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

3. Quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

3.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, ngân sách hàng năm, của Công ty;

3.2. Tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, phương án đầu tư của Công ty;

3.3. Phê duyệt các dự toán, thiết kế và quyết toán của các công trình đầu tư đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông;

3.4. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

3.5. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

3.6. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

3.7. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định mức lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, Giám đốc vận hành, các Giám đốc Khối, Kế toán trưởng và những người điều hành doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;

3.8. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

3.9. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại người điều hành doanh nghiệp đó;

3.10. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

3.11. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

3.12. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

3.13. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay người điều hành doanh nghiệp hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty.

Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm;

- 3.14. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- 3.15. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - 4.1. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - 4.2. Thành lập các công ty con, công ty liên kết của Công ty;
 - 4.3. Trong phạm vi quy định tại khoản 2, Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 135 và khoản 3, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty, bao gồm cả các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mướm Công ty và liên doanh;
 - 4.4. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;
 - 4.5. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - 4.6. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm hoặc các khoản đầu tư nằm trong kế hoạch kinh doanh vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - 4.7. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - 4.8. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - 4.9. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - 4.10. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - 4.11. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo tài chính hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho người điều hành doanh nghiệp đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Quyết nghị của Hội đồng quản trị theo đa số phiếu biểu quyết tại cuộc họp hoặc ý kiến bằng văn bản. Nếu số phiếu của các

ý kiến khác nhau bằng nhau thì quyết định được thông qua theo ý kiến của bên nào có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 40: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty và có các tiêu chuẩn sau đây:

1.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

1.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty, có hiểu biết về luật pháp;

1.3. Người có liên quan hiện đang không đảm nhiệm hoặc được ủy quyền đảm nhiệm chức danh Kiểm soát viên, Kế toán trưởng của Công ty;

1.4. Không đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác hoạt động trong ngành sản xuất và kinh doanh đồ kim hoàn;

1.5. Không sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác hoạt động trong ngành sản xuất và kinh doanh đồ kim hoàn; trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

1.6. Người liên quan không cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 35% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác hoạt động trong ngành sản xuất và kinh doanh đồ kim hoàn; trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

1.7. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (5) công ty khác.

2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu hợp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) ứng viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (2) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (3) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (6) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (7) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (8) ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

5.1. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

5.2. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

5.3. Không còn đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều này;

5.4. Gửi đơn từ chức bằng văn bản đến trụ sở chính của Công ty;

5.5. Bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

5.6. Vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (6) tháng liên tục, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt; trừ trường hợp bất khả kháng.

5.7. Bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

5.8. Qua đời;

5.9. Công ty bị chấm dứt hoạt động.

5.10. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty.

6. Trong trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên theo khoản 5 Điều này, tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông gần nhất Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị khuyết. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày bổ nhiệm có hiệu lực cho đến ngày hết nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 3, Điều 38, Điều lệ này.

7. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị và được nhận tiền thưởng phụ thuộc vào kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty. Tổng mức thù lao và tiền thưởng cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện theo ủy quyền phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

10. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 41: CHỦ TỊCH VÀ PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

2.1. Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn các nhiệm vụ của Hội đồng quản trị;

2.2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

2.3. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

2.4. Tổ chức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác;

2.5. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

2.6. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

2.7. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

2.8. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

2.9. Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình.

3. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền khi Chủ tịch vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

ĐIỀU 42: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 41, Điều lệ này.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực hiện những nhiệm vụ đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công, không ủy quyền cho người khác. Cụ thể nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - 2.1. Nghiên cứu đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.
 - 2.2. Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận và biểu quyết các vấn đề nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình.
 - 2.3. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà thành viên nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty.
 - 2.4. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.
 - 2.5. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - 2.6. Thực hiện Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công, phân nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 43: CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị được quyền thành lập các Tiểu ban trực thuộc hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc thành lập các Tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
2. Số lượng thành viên của Tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng có ít nhất ba (3) người bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong Tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng Tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các Tiểu ban do Hội đồng quản trị quy định. Hoạt động của Tiểu ban phải tuân thủ theo các quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
4. Việc thực thi quyết định của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và các quy định tại Điều lệ Công ty.
5. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho các Tiểu ban trực thuộc quyết định các vấn đề thuộc quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty và các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty.

ĐIỀU 44: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khi Hội đồng quản trị có thành viên được bầu bổ sung thì cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị, đề ra các quyết định thuộc thẩm quyền, phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày, kể từ ngày kết thúc bầu cử. Cuộc họp này do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm triệu tập. Trường hợp Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị cùng hết nhiệm kỳ thì các thành viên Hội đồng quản trị bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (1) lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - 3.1. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm người điều hành doanh nghiệp;
 - 3.2. Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - 3.3. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3, Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3, Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình hoạt động của Công ty.
6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (5) ngày trước ngày tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng phải thông tin đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện được ủy quyền. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các người điều hành doanh nghiệp khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.
9. Biểu quyết trong cuộc họp Hội đồng quản trị:
 - 9.1. Trừ quy định tại khoản 9.2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - 9.2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu

thuần hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

9.3. Theo quy định tại khoản 9.4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

9.4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 9, Điều 60, Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

9.5. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

9.6. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là lá phiếu quyết định;

9.7. Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về quyết định của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thư ký Hội đồng quản trị. Phiếu biểu quyết được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp;

10. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp đều có thể:

10.1. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

10.2. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự khác một cách đồng thời.

11. Việc trao đổi giữa các thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác, kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này, hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

12. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (1) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

ĐIỀU 45: BỔ SUNG, THAY THẾ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập bị giảm quá quy định tại mục 4.3, khoản 4, Điều 30 của Điều lệ này thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn quy định tại mục 5.1, khoản 5, Điều 30 của Điều lệ này để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

2. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

ĐIỀU 46: QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Người điều hành doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật các thông tin được cung cấp.

ĐIỀU 47: BAN KIỂM SOÁT

1. Ban Kiểm soát gồm ba (3) Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, trong đó phải có ít nhất hai (2) Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam.

2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp các Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì các Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên, việc đề cử và ứng cử, việc bổ nhiệm, bãi nhiệm và miễn nhiệm, việc bổ sung và thay thế Kiểm soát viên, được thực hiện theo các quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty.

ĐIỀU 48: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm như sau:

1.1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến kiểm toán độc lập;

- 1.2. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- 1.3. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- 1.4. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;
- 1.5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty;
- 1.6. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;
- 1.7. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- 1.8. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- 1.9. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 9, Điều 26, Điều lệ này. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- 1.10. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công ty;
- 1.11. Kiểm tra và trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc theo ý kiến độc lập của mình, chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình;
- 1.12. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- 1.13. Thực hiện chức trách Giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị công ty đối với các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- 1.14. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc cung cấp số liệu, tài liệu và thuyết minh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- 1.15. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
- 1.16. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường hoặc yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để có giải pháp chấm dứt tổn thất và khắc phục hậu quả trong trường hợp phát hiện những hành vi gây tổn thất đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty;

- 1.17. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- 1.18. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- 1.19. Không được tiết lộ bí mật của Công ty;
- 1.20. Báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán;
- 1.21. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - 2.1. Phân công nhiệm vụ các Kiểm soát viên; lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm cá nhân trước Đại hội đồng cổ đông về hiệu quả hoạt động của Ban kiểm soát;
 - 2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Ban kiểm soát;
 - 2.3. Tiếp nhận và tổ chức xử lý các tài liệu, báo cáo do Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông gửi đến Ban kiểm soát;
 - 2.4. Thay mặt Ban Kiểm soát ký tất cả các tài liệu, báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông hoặc gửi đến Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành;
 - 2.5. Giám sát việc tổ chức thực hiện các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị;
 - 2.6. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty và Quy định Tổ chức và Hoạt động của Ban kiểm soát do Ban kiểm soát ban hành.
3. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (2) lần một năm và số lượng Kiểm soát viên tham gia cuộc họp tối thiểu là hai (2) người. Ban kiểm soát ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát.

ĐIỀU 49: KIỂM SOÁT VIÊN

3. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty; phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - 3.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - 3.2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha dượng, cha nuôi, mẹ dượng, mẹ nuôi, con dượng, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý doanh nghiệp khác;
 - 3.3. Không được giữ các chức danh quản lý của Công ty;
 - 3.4. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- 3.5. Không đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác hoạt động trong ngành sản xuất và kinh doanh đồ kim hoàn;
- 3.6. Không sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác hoạt động trong ngành sản xuất và kinh doanh đồ kim hoàn; trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;
- 3.7. Người có liên quan không cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 35% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác hoạt động trong ngành sản xuất và kinh doanh đồ kim hoàn; trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;
- 3.8. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (3) năm liền trước đó.
4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) ứng viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (2) ứng viên; từ 20% đến dưới 90% được đề cử tối đa ba (3) ứng viên. Tổng số ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử phải nhiều hơn số lượng Kiểm soát viên cần bầu.
5. Trường hợp số lượng các ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
6. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - 6.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - 6.2. Không còn đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 3, Điều này;
 - 6.3. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong vòng sáu (6) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt; trừ trường hợp bất khả kháng;
 - 6.4. Gửi đơn từ nhiệm bằng văn bản đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
7. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - 7.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - 7.2. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty;
 - 7.3. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 7.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty.
8. Trưởng Ban kiểm soát, do các Kiểm soát viên bầu theo nguyên tắc đa số, phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.
9. Tổng mức thù lao và các lợi ích khác cho các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại, và các chi phí phát

sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

10. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

11. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những sai phạm của mình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ gây thiệt hại cho Công ty.

ĐIỀU 50: BỔ SUNG, THAY THẾ KIỂM SOÁT VIÊN

1. Trường hợp số Kiểm soát viên bị giảm quá hai (2) người thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn quy định tại mục 5.1, khoản 5, Điều 30 của Điều lệ này để bầu bổ sung Kiểm soát viên.

2. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban Kiểm soát thì các Kiểm soát viên còn lại cử người thay thế nhưng phải thông báo cho Hội đồng quản trị được biết.

ĐIỀU 51: TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (1) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một (1) người khác làm Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, được ủy nhiệm các quyền hạn cần thiết để thực hiện nhiệm vụ Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty và phải là người:

2.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

2.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty, có hiểu biết về luật pháp;

2.3. Không đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác hoạt động trong ngành sản xuất và kinh doanh đồ kim hoàn;

2.4. Không sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác hoạt động trong ngành sản xuất và kinh doanh đồ kim hoàn; trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;

2.5. Người liên quan không cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 35% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác hoạt động trong ngành sản xuất và kinh doanh đồ kim hoàn; trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;

2.6. Thỏa mãn các tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty trong trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (5) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng

quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty.

6. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Thông tin về tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm của Công ty và phải được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

ĐIỀU 52: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

1. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Quyết định tất cả các vấn đề mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
3. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt phương án cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; việc thành lập và giải thể các đơn vị trực thuộc;
4. Đề xuất số lượng người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần có để Hội đồng quản trị tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích khác và các điều khoản khác của hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp;
5. Tuyển dụng, bố trí, sử dụng lao động; kỷ luật, cho thôi việc, quyết định lương, thưởng, các chế độ phúc lợi đối với người lao động kể cả các chức danh quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của Tổng Giám đốc theo sự phân cấp của Hội đồng quản trị và phù hợp với quy định pháp luật về lao động;
6. Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách và kế hoạch phát triển năm (5) năm;
7. Chuẩn bị các bản dự toán tài chính dài hạn, năm, quý và tháng của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, năm, quý và tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh chi tiết. Bản dự toán tài chính năm (bao gồm bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ) cho năm tài chính phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế quản lý nội bộ của Công ty và phải được trình Hội đồng quản trị thông qua;
8. Tổ chức thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
9. Ký các hợp đồng trong hạn mức được Hội đồng quản trị cho phép, hợp đồng lao động, hợp đồng khác theo luật định; ký các báo cáo, văn bản, các chứng từ khác của Công ty theo thẩm quyền; quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ, các biện pháp tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất kinh doanh;
10. Tổ chức báo cáo cho Hội đồng quản trị về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty;

11. Quyết định đầu tư mua sắm tài sản trang thiết bị có giá trị không vượt quá 10% vốn điều lệ theo kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư đã được Hội đồng quản trị thông qua;
12. Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị hay các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái luật, trái Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay với các Kiểm soát viên;
13. Quyết định các biện pháp xử lý vượt quá thẩm quyền trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố... nhưng phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị;
14. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
15. Thực hiện tất cả các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty, các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và hợp đồng lao động đã ký với Công ty.

ĐIỀU 53: MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp tương tự như các thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 8, Điều 38, Điều lệ này, hoặc không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm, nghĩa vụ được quy định tại Điều 50, Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành, trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc nếu Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trong trường hợp Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải tạm cử người đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.
4. Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn từ nhiệm gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị sẽ xem xét và quyết định.

ĐIỀU 54: ỦY QUYỀN, ỦY NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tổng Giám đốc có quyền ủy quyền, ủy nhiệm cho Giám đốc vận hành, Giám đốc Khối hoặc những người điều hành doanh nghiệp khác trong Công ty thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền, ủy nhiệm của mình.
2. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám đốc về những công việc do mình thực hiện.
3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản và có thời hạn nhất định.

ĐIỀU 55: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

1. Công ty ban hành một cơ cấu tổ chức quản lý và hệ thống quản lý mà theo đó những người điều hành doanh nghiệp chịu trách nhiệm với Hội đồng quản trị, chịu sự chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.
2. Người điều hành doanh nghiệp của Công ty có Tổng Giám đốc, Giám đốc vận hành, một số Giám đốc Khối, Kế toán trưởng và các chức danh khác tương đương do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế người điều hành doanh nghiệp phải được

thực hiện theo các quy định tại Quy chế quản trị công ty và thông qua bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị.

3. Số lượng và tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp, theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, phải phù hợp với cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý Công ty do Hội đồng quản trị quy định vào từng thời điểm.

4. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự miễn cưỡng cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. Tiền lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động với những người điều hành doanh nghiệp sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

ĐIỀU 56: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa không quá năm (5) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;;
- b. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị công ty.

4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

5. Hội đồng quản trị quyết định việc Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo khoản 5, Điều 152, Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 57: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CÔNG TY TẠI TỔ CHỨC KHÁC

1. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác có trách nhiệm:

- Báo cáo định kỳ hàng quý, về tình hình hoạt động của tổ chức khác; các giao dịch giữa Công ty với tổ chức khác theo các nội dung, mẫu biểu và thời gian do Hội đồng quản trị quy định;
- Báo cáo về các vấn đề bất thường của tổ chức khác theo các quy định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức lưu trữ các tài liệu, báo cáo, văn bản liên quan đến hoạt động của Hội đồng thành viên trong trường hợp tổ chức khác là công ty trách nhiệm hữu hạn; của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong trường hợp tổ chức khác là công ty cổ phần.

3. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại công ty con chịu trách nhiệm chỉ đạo và đôn đốc người đại diện pháp luật của công ty con lập và nộp các báo cáo theo các quy định tại Điều 191, Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 58: TRÁCH NHIỆM CẢN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN; TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

ĐIỀU 59: TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 17, Điều 4, Luật Doanh nghiệp và khoản 34, Điều 6, Luật Chứng khoán, và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

2.1. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

2.2. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2, Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và 2, Điều này được thực hiện như sau:
 - 4.1. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
 - 4.2. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;
 - 4.3. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;
 - 4.4. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;
 - 4.5. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
6. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
7. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan đến các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
8. Trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty không cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan đến các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các tổ chức có liên quan đến các thành viên nêu trên là các công ty hoạt động theo nhóm công ty mà trong đó Công ty đóng vai trò là công ty mẹ.

9. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp quy định tại khoản 2, Điều 159, Luật Doanh nghiệp.

10. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, bằng một nghị quyết, với đa số phiếu tán thành, của các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật của Công ty phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đồng thời niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc thông báo những nội dung chủ yếu, quan trọng của hợp đồng, giao dịch và các mối quan hệ, lợi ích của đối tượng có liên quan đến hợp đồng, giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày niêm yết.

11. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng, giao dịch khác, trừ trường hợp quy định tại điểm 10 khoản này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch và các mối quan hệ, lợi ích của đối tượng có liên quan đến hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết còn lại đồng ý.

12. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại điểm 10 và điểm 11 khoản này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

ĐIỀU 60: TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố, bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện, nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc là đại diện được ủy quyền của Công ty hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

ĐIỀU 61: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời gian liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ tài liệu nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị công ty phải được công bố trên trang điện tử của Công ty.

ĐIỀU 62: NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người điều hành doanh nghiệp và người lao động.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, Quy chế quản trị công ty, các quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV

TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

ĐIỀU 63: NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai cùng năm.
1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự quản về tài chính, tự cân đối các khoản thu chi, có trách nhiệm bảo toàn và làm sinh lợi các nguồn vốn của Công ty.

2. Công ty chấp hành chế độ kế toán và thống kê theo đúng các quy định của pháp luật về kế toán và thống kê. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán doanh nghiệp khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
3. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
4. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.
5. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc tổ chức công tác kế toán, hạch toán tài chính trong toàn Công ty theo đúng pháp luật quy định. Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm pháp lý về các chứng từ thu, chi và các hồ sơ kế toán của Công ty.

ĐIỀU 64: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

ĐIỀU 65: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 66 của Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm công ty mẹ còn phải lập báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm của công ty mẹ và công ty con, báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của công ty mẹ và công ty con. Người chịu trách nhiệm lập các báo cáo này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của các công ty con. Trường hợp người quản lý doanh nghiệp của công ty mẹ đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định từ công ty con thì công ty mẹ vẫn lập và trình các báo cáo đó, có thể gồm hoặc không gồm các thông tin từ công ty con, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc sai lệch.

4. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

5. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, bao gồm ý kiến của kiểm toán viên, báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý của Công ty phải được công bố trên trang điện tử của Công ty. Công ty công bố đầy đủ nội dung thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán.

6. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

ĐIỀU 66: KIỂM TOÁN

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Ban kiểm soát quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Ban kiểm soát.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (2) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

ĐIỀU 67: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

1. Theo quy định tại Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) được Bộ Tài chính chấp thuận, lợi nhuận của Công ty được xác định như sau:

- Lợi nhuận trước thuế = Tổng doanh thu – Tổng chi phí
- Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế – Thuế thu nhập doanh nghiệp

2. Lợi nhuận sau thuế vào cuối năm tài chính, trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông, sẽ trích lập các quỹ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua hàng năm.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận sau thuế và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

4. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 68: CỔ TỨC

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; và ngay sau khi trả hết số cổ tức dự định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Tùy theo tình hình kinh doanh, Hội đồng quản trị Công ty có thể tạm chi cổ tức theo từng quý hoặc sáu tháng cho cổ đông.
3. Trừ trường hợp cổ phần có các quyền đi kèm theo hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác, mức cổ tức được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với mệnh giá của cổ phần đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.
4. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này.
5. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
6. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
7. Trước mỗi lần trả cổ tức, Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức phải trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày thực hiện trả cổ tức. Trong thông báo phải ghi rõ số cổ phần của từng loại cổ đông, mức cổ tức, tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức. Số tiền cổ tức của các cổ đông chưa đến nhận sẽ không được tính lãi. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.
8. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
9. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

10. Trường hợp việc thanh toán tiền cổ tức trái với quy định tại khoản 1 Điều này thì các cổ đông đã nhận cổ tức phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG V

CÔNG BỐ THÔNG TIN RA CÔNG CHỨNG

ĐIỀU 69: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ CÁC BÁO CÁO RA CÔNG CHỨNG

1. Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ TỐ TỤNG

ĐIỀU 70: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ CÔNG TY

1. Mọi cổ đông của Công ty đều có quyền khiếu nại trực tiếp đến Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình.
2. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại liên quan đến hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ này hoặc các quy định hành chính, giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành doanh nghiệp khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho tiến trình giải quyết tranh chấp.

3. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (6) tuần từ khi bắt đầu tiến trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

4. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

ĐIỀU 71: TRANH CHẤP GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC TỔ CHỨC HOẶC CÁ NHÂN NGOÀI CÔNG TY

1. Mọi trường hợp kiện tụng, tranh chấp về các giao dịch kinh tế, dân sự giữa Công ty với các tổ chức, cá nhân khác được ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải
2. Trong trường không đạt được quyết định hoà giải, sự việc sẽ được đưa ra giải quyết tại Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế. Tổng Giám đốc là người đại diện hợp pháp của Công ty trong các giai đoạn tranh tụng.

CHƯƠNG VII

GIA HẠN, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN

ĐIỀU 72: GIA HẠN VÀ CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (7) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có trên 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - 3.1. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - 3.2. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - 3.3. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 3.4. Bị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - 3.5. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
4. Việc giải thể Công ty trước thời hạn, kể cả thời hạn đã gia hạn, do Đại hội đồng cổ đông quyết định và Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Trình tự, thủ tục thực hiện việc giải thể được thực hiện theo các quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp.

ĐIỀU 73: THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN

1. Tối thiểu sáu (6) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (3) thành viên, trong đó hai (2) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (1) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - 3.1. Các chi phí thanh lý;
 - 3.2. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - 3.4. Các khoản vay, nếu có;
 - 3.5. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - 3.6. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục 3.1 đến 3.6 trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn góp. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.
4. Trong thời gian thanh lý, Ban thanh lý có quyền đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để xử lý các vấn đề xét thấy cần thiết phải có quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo các quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG VIII HIỆU LỰC THI HÀNH

ĐIỀU 74: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.
2. Bản Điều lệ này bao gồm 08 chương, 74 điều có hiệu lực từ ngày 04 tháng 12 năm 2018 và thay thế bản Điều lệ ngày 28 tháng 06 năm 2018.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, được lập thành năm (5) bản, có giá trị như nhau.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc được cơ quan/tổ chức có thẩm quyền chứng thực bản sao.

TM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CAO THỊ NGỌC DUNG